

## PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN NĂM 2026

Thí sinh được đăng ký nhiều phương thức:

- Phương thức 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển (Xem chi tiết)
- Phương thức 2: Xét điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Xem chi tiết)
- Phương thức 3: Xét điểm học tập cấp THPT - điểm học bạ (Xem chi tiết)
- Phương thức 4: Xét điểm thi V-SAT (Xem chi tiết)
- Phương thức 5: Tuyển chọn vào chương trình tiên tiến và chất lượng cao (Xem chi tiết)

Thí sinh lưu ý:

- Thường xuyên cập nhật thông tin chi tiết và các hướng dẫn của Trường ĐHCT về Đăng ký dự thi môn Năng khiếu, Điều kiện ĐKXT (Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) và cách đăng ký xét tuyển,... của từng phương thức.
- Xem thông tin tuyển sinh chi tiết tại website <https://tuyensinh.ctu.edu.vn>

### PHƯƠNG THỨC 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

#### 1. Tuyển thẳng

Đối tượng và điều kiện được tuyển thẳng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT như sau:

- a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo quy định.
- b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia được tuyển thẳng vào đại học theo ngành phù hợp với môn mà thí sinh đạt giải. Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;
- c) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt điều kiện đăng ký xét tuyển của ngành được tuyển thẳng phù hợp với nội dung đề tài đạt giải (thí sinh liên hệ Phòng Đào tạo tư vấn chọn ngành phù hợp). Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.
- d) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được tuyển thẳng vào ngành Giáo dục thể chất (mã xét tuyển 7140206). Thời gian đạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;
- e) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi được tuyển thẳng vào đại học theo ngành phù hợp với nghề đạt giải (thí sinh liên hệ Phòng Đào tạo tư vấn chọn ngành phù hợp). Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- f) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định có khả năng theo học một số ngành đào tạo của ĐHCT nhưng không có khả năng dự tuyển theo những phương thức tuyển sinh của ĐHCT;
- g) Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT (thí sinh liên hệ Phòng Đào tạo tư vấn chọn ngành phù hợp).
- g) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT (thí sinh liên hệ Phòng Đào tạo tư vấn chọn ngành phù hợp). Hiệu trưởng ĐHCT xem xét và quyết định việc tuyển thẳng.
- h) ĐHCT cấp học bổng 02 học kỳ (9.00.000đ/học kỳ) cho những thí sinh được tuyển thẳng thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e sau khi nhập học.

## 2. Ưu tiên xét tuyển

Thí sinh đạt điều kiện đăng ký xét tuyển của một trong các phương thức 2, 3 và 4 ứng với ngành đăng ký ưu tiên xét tuyển, thuộc một trong các đối tượng sau:

- a) Thí sinh là đối tượng tuyển thẳng tại điểm a, b, c, d, đ được ưu tiên xét tuyển vào ngành học do thí sinh đăng ký.
- b) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài đã đạt giải (thí sinh liên hệ Phòng Đào tạo tư vấn chọn ngành phù hợp). Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.
- c) Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia dự tuyển vào ngành Giáo dục Thể chất (mã xét tuyển 7140206). Thời gian đạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.
- d) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với nghề đã đạt giải (thí sinh liên hệ Phòng Đào tạo tư vấn chọn ngành phù hợp). Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.

## PHƯƠNG THỨC 2: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Xét tuyển dựa vào điểm của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển (**không nhân hệ số môn**) ứng với ngành dự tuyển. Riêng các môn năng khiếu, sử dụng kết quả do ĐHCT hoặc do trường đại học khác tổ chức thi năm 2026 để xét tuyển vào đại học chính quy từ 5,0 điểm trở lên. Không sử dụng điểm miễn môn ngoại ngữ.

**Điểm xét tuyển (ĐXT)** bằng tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký (không nhân hệ số); cộng với điểm ưu tiên. ĐXT được làm tròn đến hai chữ số thập phân và theo thang 30 điểm:

$$\text{ĐXT} = (\text{Môn}_1 + \text{Môn}_2 + \text{Môn}_3) + \text{Điểm ưu tiên}$$

*(ĐHCT chọn tổ hợp có ĐXT cao nhất để xét tuyển và không quy định độ lệch giữa các tổ hợp)*

**Ngành xét tuyển:** tất cả các ngành.

**Đối tượng:** thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2026 trở về trước. Người đã tốt nghiệp cao đẳng học liên thông đại học. Người đã tốt nghiệp đại học, học ngành đại học thứ 2.

**Điều kiện ĐKXT:** đạt ngưỡng đầu vào của phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT. ĐHCT cấp học bổng 01 học kỳ (9.000.000đ) cho thí sinh được ưu tiên xét tuyển sau khi nhập học.

**PHƯƠNG THỨC 3:** Xét điểm học tập cấp THPT - điểm học bạ

Xét tuyển dựa vào Điểm trung bình môn cả năm (ĐTBMCN) lớp 10, 11, 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (**không nhân hệ số môn**) ứng với ngành dự tuyển. Riêng các môn năng khiếu, sử dụng kết quả do ĐHCT hoặc do trường đại học khác tổ chức thi năm 2026 để xét tuyển vào đại học chính quy từ 5,0 điểm trở lên. Không sử dụng điểm miễn môn ngoại ngữ.

$$\text{HM} = \frac{\text{ĐTBMCN}_{L10} + \text{ĐTBMCN}_{L11} + \text{ĐTBMCN}_{L12}}{3}$$

Điểm mỗi môn (gọi là **HM**) bằng trung bình cộng của ĐTBMCN của 3 năm học, được làm tròn đến hai chữ số thập phân (thang điểm 10) như sau:

*Lưu ý: Không sử dụng điểm kiểm tra lại. Đối với môn ngoại ngữ, chỉ sử dụng môn ngoại ngữ chính.*

Điểm HM được quy đổi tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT (gọi là  $\text{HM}_{\text{QB}}$ ) theo **quy tắc quy đổi điểm**. Các môn năng khiếu không quy đổi tương đương.

**Điểm xét tuyển (ĐXT)** bằng tổng điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển đã quy đổi ( $\text{HM}_{\text{QB}}$ ); cộng với điểm ưu tiên. ĐXT được làm tròn đến hai chữ số thập phân và theo thang 30 điểm:

$$\text{ĐXT} = (\text{HM}_{1\text{QB}} + \text{HM}_{2\text{QB}} + \text{HM}_{3\text{QB}}) + \text{Điểm ưu tiên}$$

*(ĐHCT sẽ chọn tổ hợp có ĐXT cao nhất để xét tuyển và không quy định độ lệch giữa các tổ hợp)*

**Ngành xét tuyển:** tất cả các ngành.

**Đối tượng:** thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2026 trở về trước. Người đã tốt nghiệp cao đẳng học liên thông đại học. Người đã tốt nghiệp đại học, học ngành đại học thứ 2.

**Điều kiện ĐKXT:** đạt ngưỡng đầu vào của phương thức xét học bạ và đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 phải có tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc Toán, Ngữ văn và một môn khác) đạt từ 15,0 điểm.

#### **PHƯƠNG THỨC 4:** Xét điểm thi V-SAT

Xét tuyển dựa vào điểm thi V-SAT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (**không nhân hệ số môn**) ứng với ngành dự tuyển. Riêng các môn năng khiếu, sử dụng kết quả do ĐHCT hoặc do trường đại học khác tổ chức thi năm 2026 để xét tuyển vào đại học chính quy từ 5,0 điểm trở lên. Không sử dụng điểm miễn môn ngoại ngữ.

- Phương thức xét điểm V-SAT không sử dụng các tổ hợp có môn: Tiếng Pháp, Giáo dục Công dân, Giáo dục kinh tế pháp luật, Tin học, Công nghệ công nghiệp, Công nghệ nông nghiệp.

- Thí sinh được sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do các cơ sở giáo dục đại học tổ chức thi trong thời hạn 03 năm tính đến năm tuyển sinh. Ứng với mỗi môn, thí sinh được chọn điểm cao nhất nếu thi nhiều lần. Các môn trong tổ hợp có thể được thi ở các đợt khác nhau hay các cơ sở khác nhau.

- Điểm mỗi môn V-SAT (gọi là VM, theo thang điểm 150) được quy đổi tương đương với điểm THPT (gọi là VM<sub>QB</sub>, thang điểm 10) theo quy tắc quy đổi điểm. Các môn năng khiếu không quy đổi tương đương.

**Điểm xét tuyển (ĐXT)** bằng tổng điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển đã quy đổi (VM<sub>nQB</sub>); cộng với điểm ưu tiên. ĐXT được làm tròn đến hai chữ số thập phân và theo thang 30 điểm:

$$\text{ĐXT} = (\text{VM}_{1\text{QB}} + \text{VM}_{2\text{QB}} + \text{VM}_{3\text{QB}}) + \text{Điểm ưu tiên}$$

*(ĐHCT sẽ chọn tổ hợp có ĐXT cao nhất để xét tuyển và không quy định độ lệch giữa các tổ hợp)*

**Ngành xét tuyển:** tất cả các ngành.

**Đối tượng:** thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2026 trở về trước. Người đã tốt nghiệp cao đẳng học liên thông đại học. Người đã tốt nghiệp đại học, học ngành đại học thứ 2.

**Điều kiện ĐKXT:** đạt ngưỡng đầu vào của phương thức xét điểm V-SAT và đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 phải có tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc Toán, Ngữ văn và một môn khác) đạt từ 15,0 điểm trở lên.

#### **PHƯƠNG THỨC 5:** Tuyển chọn vào Chương trình tiên tiến và Chương trình chất lượng cao

- Tuyển chọn từ những thí sinh trúng tuyển và đã nhập học vào ĐHCT năm 2026.

- Đối tượng: thí sinh trúng tuyển đại học chính quy bất kỳ ngành nào theo phương thức 1, 2, 3, 4.

- Điều kiện ĐKXT: có điểm 3 môn ứng với tổ hợp xét tuyển theo ngành.

- Điểm xét tuyển: được tính giống như các phương thức 2, 3, 4.

Danh mục ngành, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển đại học chính quy năm 2026


- Tổng chỉ tiêu: dự kiến 12.000
- 127 mã tuyển sinh gồm: 02 chương trình tiên tiến; 17 chương trình chất lượng cao và 108 chương trình đại trà;
- Cơ sở Hậu Giang (Mã tuyển sinh có chữ **H**): 07 mã tuyển sinh. Học năm thứ nhất và thứ tư tại Cần Thơ, các năm còn lại học tại Cơ sở Hậu Giang.
- Khu Sóc Trăng (Mã tuyển sinh có chữ **S**): 04 mã tuyển sinh. Học năm thứ tư tại Cần Thơ, các năm còn lại học tại Khu Sóc Trăng.
- Các ngành, chương trình mới:
  - + Chương trình chất lượng cao: Bảo vệ thực vật; Kỹ thuật cơ khí.
  - + Ngành Khoa học dữ liệu;
  - + Ngành Công nghệ tài chính;
  - + Ngành Quản lý xây dựng;
  - + Chuyên ngành Đường sắt tốc độ cao (ngành Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông).

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh (chuyên ngành, nếu có)	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển (KHÔNG NHẬN H
1	7140201	<a href="#">Giáo dục mầm non</a>	140	M01, M05, M06, M
2	7140202	<a href="#">Giáo dục Tiểu học</a>	100	A00, C01, C04, D01
3	7140204	<a href="#">Giáo dục Công dân</a>	80	C00, C19, D14, D15
4	7140206	<a href="#">Giáo dục Thể chất</a>	80	T00, T01, T06, T10
5	7140209	<a href="#">Sư phạm Toán học</a>	100	A00, A01, B08, D07
6	7140210	<a href="#">Sư phạm Tin học</a>	80	A00, A01, D01, X26
7	7140211	<a href="#">Sư phạm Vật lý</a>	80	A00, A01, A02, X06
8	7140212	<a href="#">Sư phạm Hóa học</a>	80	A00, B00, D07, X10
9	7140213	<a href="#">Sư phạm Sinh học</a>	80	A02, B00, B03, B08
10	7140217	<a href="#">Sư phạm Ngữ văn</a>	120	C00, D01, D14, D15
11	7140218	<a href="#">Sư phạm Lịch sử</a>	80	C00, C19, D14, C03

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh ( <i>chuyên ngành, nếu có</i> )	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển ( <i>KHÔNG NHẢY H</i> )
12	7140219	<u>Sư phạm Địa lý</u>	80	A07, C00, C04, D15
13	7140231	<u>Sư phạm Tiếng Anh</u>	120	D01, D14, D15, D60
14	7140233	<u>Sư phạm Tiếng Pháp</u>	40	D01, D03, D14, D64
15	7140247	<u>Sư phạm Khoa học tự nhiên</u>	70	A00, A01, A02, B00
16	7140249	<u>Sư phạm Lịch sử - Địa lý</u>	70	C00, C19, C20, D14
17	7220201	Ngôn ngữ Anh, có 2 chuyên ngành: - <u>Ngôn ngữ Anh</u> ; - <u>Phiên dịch - biên dịch tiếng Anh</u> .	220	D01, D09, D14, D15
18	7220201C	<u>Ngôn ngữ Anh (CTCLC)</u>	120	D01, D09, D14, D15
19	7220201H	<u>Ngôn ngữ Anh -Hậu Giang</u>	60	D01, D09, D14, D15
20	7220203	<u>Ngôn ngữ Pháp</u>	80	D01, D03, D14, D64
21	7229001	<u>Triết học</u>	80	C00, C19, D14, D15
22	7229030	<u>Văn học</u>	100	C00, D01, D14, D15
23	7310101	<u>Kinh tế</u>	80	A00, A01, C02, D01
24	7310201	<u>Chính trị học</u>	80	C00, C19, D14, D15
25	7310301	<u>Xã hội học</u>	80	C00, C19, D01, X70
26	7310403	<u>Tâm lý học giáo dục</u>	80	C00, C14, C20, D14
27	7320101	<u>Báo chí</u>	140	C00, D01, D14, D15
28	7320104	<u>Truyền thông đa phương tiện</u>	140	A00, A01, D01, X02
29	7320201	<u>Thông tin - thư viện</u>	60	A01, D01, C01, X26
30	7340101	<u>Quản trị kinh doanh</u>	140	A00, A01, C02, D01
31	7340101C	<u>Quản trị kinh doanh (CTCLC)</u>	80	A01, D01, D07, X26
32	7340101H	<u>Quản trị kinh doanh-Hậu Giang</u>	60	A00, A01, C02, D01
33	7340115	<u>Marketing</u>	100	A00, A01, C02, D01

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh ( <i>chuyên ngành, nếu có</i> )	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển ( <i>KHÔNG NHẬN H</i> )
34	7340120	<u>Kinh doanh quốc tế</u>	120	A00, A01, C02, D01
35	7340120C	<u>Kinh doanh quốc tế (CTCLC)</u>	80	A01, D01, D07, X26
36	7340121	<u>Kinh doanh thương mại</u>	100	A00, A01, C02, D01
37	7340122	<u>Thương mại điện tử</u>	100	A00, A01, C02, D01
38	7340201	<u>Tài chính – Ngân hàng</u>	80	A00, A01, C02, D01
39	7340201C	<u>Tài chính – Ngân hàng (CTCLC)</u>	40	A01, D01, D07, X26
40	7340205	Công nghệ tài chính 	80	A00, A01, C02, D01
41	7340301	<u>Kế toán</u>	100	A00, A01, C02, D01
42	7340301S	<u>Kế toán- Sóc Trăng</u>	40	A00, A01, C02, D01
43	7340302	<u>Kiểm toán</u>	80	A00, A01, C02, D01
44	7380101	<u>Luật</u>	260	C00, C01, D01, X01
45	7380101H	<u>Luật- Hậu Giang</u>	60	C00, C01, D01, X01
46	7380101S	<u>Luật- Sóc Trăng</u>	60	C00, C01, D01, X01
47	7380103	<u>Luật dân sự và tổ tụng dân sự</u>	180	C00, C01, D01, X01
48	7380107	<u>Luật kinh tế</u>	180	C00, C01, D01, X01
49	7420101	<u>Sinh học</u>	80	A02, B00, B03, B08
50	7420201	<u>Công nghệ sinh học</u>	180	A00, B00, B08, D07
51	7420201T	<u>Công nghệ sinh học (CTTT)</u>	40	A01, B08, D07, X28
52	7420203	<u>Sinh học ứng dụng</u>	80	A00, A01, B00, B08
53	7440112	<u>Hóa học</u>	90	A00, B00, C02, D07
54	7440301	<u>Khoa học môi trường</u>	90	A00, A02, B00, D07
55	7460108	<u>Khoa học dữ liệu</u> 	60	A00, A01, X06, X26
56	7460112	<u>Toán ứng dụng</u>	90	A00, A01, A02, B00

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh ( <i>chuyên ngành, nếu có</i> )	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển ( <i>KHÔNG NHẬN H</i> )
57	7460201	<u>Thống kê</u>	90	A00, A01, A02, B00
58	7480101	<u>Khoa học máy tính</u>	120	A00, A01, X06, X26
59	7480102	<u>Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu</u>	100	A00, A01, X06, X26
60	7480102C	<u>Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (CTCLC)</u>	40	A01, D01, D07, X26
61	7480103	<u>Kỹ thuật phần mềm</u>	100	A00, A01, X06, X26
62	7480103C	<u>Kỹ thuật phần mềm (CTCLC)</u>	80	A01, D01, D07, X26
63	7480104	<u>Hệ thống thông tin</u>	100	A00, A01, X06, X26
64	7480104C	<u>Hệ thống thông tin (CTCLC)</u>	80	A01, D01, D07, X26
65	7480106	<u>Kỹ thuật máy tính (Chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn)</u>	160	A00, A01, X06, X07
66	7480107	<u>Trí tuệ nhân tạo</u>	100	A00, A01, X06, X26
67	7480201	<u>Công nghệ thông tin</u>	200	A00, A01, X06, X26
68	7480201C	<u>Công nghệ thông tin (CTCLC)</u>	80	A01, D01, D07, X26
69	7480201H	<u>Công nghệ thông tin-Hậu Giang</u>	40	A00, A01, X06, X26
70	7480202	<u>An toàn thông tin</u>	100	A00, A01, X06, X26
71	7510401	<u>Công nghệ kỹ thuật hóa học</u>	120	A00, B00, D07, X11
72	7510401C	<u>Công nghệ kỹ thuật hóa học (CTCLC)</u>	40	A00, A01, D07, X27
73	7510601	<u>Quản lý công nghiệp</u>	80	A00, A01, D01, X27
74	7510605	<u>Logistics và quản lý chuỗi cung ứng</u>	100	A00, A01, D01, X27
75	7510605S	<u>Logistics và quản lý chuỗi cung ứng- Sóc Trăng</u>	60	A00, A01, D01, X27
76	7520103	<u>Kỹ thuật cơ khí(Cơ khí chế tạo máy)</u>	120	A00, A01, X06, X07
77	7520103C	<u>Kỹ thuật cơ khí (CTCLC)</u> 	40	A00, A01, X27, X26
78	7520114	<u>Kỹ thuật cơ điện tử</u>	100	A00, A01, D07, X06
79	7520130	<u>Kỹ thuật ô tô</u>	120	A00, A01, X06, X07

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh ( <i>chuyên ngành, nếu có</i> )	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển ( <i>KHÔNG NHẢY H</i> )
80	7520201	<u>Kỹ thuật điện</u>	160	A00, A01, D07, X06
81	7520201C	<u>Kỹ thuật điện (CTCLC)</u>	40	A00, A01, D07, X27
82	7520207	<u>Kỹ thuật điện tử – viễn thông</u>	140	A00, A01, X06, X07
83	7520212	<u>Kỹ thuật y sinh</u>	80	A00, A01, A02, B08
84	7520216	<u>Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</u>	140	A00, A01, D07, X06
85	7520216C	<u>Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (CTCLC)</u>	40	A00, A01, X26, X27
86	7520309	<u>Kỹ thuật vật liệu</u>	50	A00, B00, D07, X11
87	7520320	<u>Kỹ thuật môi trường</u>	90	A00, A01, B00, D07
88	7520401	<u>Vật lý kỹ thuật</u>	100	A00, A01, A02, C01
89	7540101	<u>Công nghệ thực phẩm</u>	200	A00, A01, B00, D07
90	7540101C	<u>Công nghệ thực phẩm (CTCLC)</u>	80	A01, B08, D07, X27
91	7540104	<u>Công nghệ sau thu hoạch</u>	80	A00, A01, B00, D07
92	7540105	<u>Công nghệ chế biến thủy sản</u>	120	A00, A01, B00, X12
93	7540106	<u>Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm</u>	80	A00, A01, B00, X12
94	7580101	<u>Kiến trúc</u>	80	V00, V01, V02, V03
95	7580105	<u>Quy hoạch vùng và đô thị</u>	60	A00, A01, B00, D07
96	7580201	<u>Kỹ thuật xây dựng</u>	180	A00, A01, V00, X07
97	7580201C	<u>Kỹ thuật xây dựng (CTCLC)</u>	40	A00, A01, D07, X27
98	7580202	<u>Kỹ thuật xây dựng công trình thủy</u>	60	A00, A01, V00, X07
99	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, có 2 chuyên ngành: - <u>Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</u> ; - <u>Đường sắt tốc độ cao</u> 	120	A00, A01, V00, X07
101	7580213	<u>Kỹ thuật cấp thoát nước</u>	60	A00, A01, B08, D07

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh ( <i>chuyên ngành, nếu có</i> )	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển ( <i>KHÔNG NHẬN H</i> )
101	7580302	<u>Quản lý xây dựng</u> 	60	A00, A01, X26, X27
102	7620103	<u>Khoa học đất (Chuyên ngành Quản lý đất và Công nghệ phân bón)</u>	60	A00, B00, X12, X16
103	7620105	<u>Chăn nuôi</u>	100	A00, A02, B00, B08
104	7620109	<u>Nông học</u>	100	A00, B00, B08, X12
105	7620110	Khoa học cây trồng, có 2 chuyên ngành: - <u>Khoa học cây trồng</u> ; - <u>Nông nghiệp công nghệ cao</u> .	100	A02, B00, B08, X12
106	7620112	<u>Bảo vệ thực vật</u>	140	A00, B00, B08, X12
107	7620112C	Bảo vệ thực vật (CTCLC) 	40	A00, A01, B00, B08
108	7620113	<u>Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan</u>	60	A00, B00, B08, X12
109	7620114	Kinh doanh nông nghiệp 	80	A00, C02, D01, X25
110	7620114H	<u>Kinh doanh nông nghiệp-Hậu Giang</u>	40	A00, C02, D01, X25
111	7620115	<u>Kinh tế nông nghiệp</u>	80	A00, A01, C02, D01
112	7620115H	<u>Kinh tế nông nghiệp- Hậu Giang</u>	40	A00, A01, C02, D01
113	7620301	<u>Nuôi trồng thủy sản</u>	280	A00, B00, B08, X12
114	7620301T	<u>Nuôi trồng thủy sản (CTTT)</u>	40	A01, B08, D07, X28
115	7620302	<u>Bệnh học thủy sản</u>	100	A00, B00, B08, X12
116	7620305	<u>Quản lý thủy sản</u>	100	A00, B00, B08, X12
117	7640101	<u>Thú y</u>	200	A02, B00, D07, X12
118	7640101C	<u>Thú y (CTCLC)</u>	40	A01, B08, D07, X27
119	7720203	<u>Hóa dược</u>	120	A00, B00, C02, D07
120	7810101	<u>Du lịch</u>	140	C00, D01, D14, D15

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh ( <i>chuyên ngành, nếu có</i> )	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển ( <i>KHÔNG NHÂN H</i> )
121	7810101H	<u>Du lịch- Hậu Giang</u>	60	C00, D01, D14, D15
122	7810101S	<u>Du lịch- Sóc Trăng</u>	60	C00, D01, D14, D15
123	7810103	<u>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</u>	100	A00, A01, C02, D01
124	7810103C	<u>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (CTCLC)</u>	40	A01, D01, D07, X26
125	7850101	<u>Quản lý tài nguyên và môi trường</u>	100	A00, A01, B00, D07
126	7850102	<u>Kinh tế tài nguyên thiên nhiên</u>	80	A00, A01, C02, D01
127	7850103	<u>Quản lý đất đai</u>	100	A00, A01, B00, D07

**Ghi chú:**

- CTCLC: chương trình chất lượng cao; CTTT: chương trình tiên tiến.
- KHÔNG NHÂN HỆ SỐ MÔN.
- Tổ hợp xét tuyển áp dụng cho tất cả các phương thức xét tuyển. Riêng phương thức V-SAT không sử dụng các tổ hợp có môn: Tiếng Pháp, Giáo dục Công dân, Giáo dục kinh tế pháp luật, Tin học, Công nghệ công nghiệp, Công nghệ nông nghiệp.

**PHỤ LỤC: BẢNG MÃ TỔ HỢP**

Mã TH	Tên các môn
A00	Toán, Vật lí, Hóa học
A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lí, Sinh học
A07	Toán, Lịch sử, Địa lí
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh

<b>Mã TH</b>	<b>Tên các môn</b>
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học
C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí
C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân
C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
C20	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục công dân
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
D03	Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
D64	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Pháp
D66	Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh
M01	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu GDMN
M05	Ngữ Văn, Địa lí, Năng khiếu GDMN
M06	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu GDMN
M11	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu GDMN
T00	Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT
T01	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu TDTT
T06	Toán, Hóa học, Năng khiếu TDTT

<b>Mã TH</b>	<b>Tên các môn</b>
T10	Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu TDTT
V00	Toán, Vật lí, Vẽ mỹ thuật
V01	Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật
V02	Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật
V03	Toán, Hóa học, Vẽ Mỹ thuật
X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục KT&PL
X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
X06	Toán, Vật lí, Tin học
X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp
X10	Toán, Hóa học, Tin học
X11	Toán, Hóa học, Công nghệ công nghiệp
X12	Toán, Hóa học, Công nghệ nông nghiệp
X16	Toán, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp
X25	Toán, Giáo dục KT&PL, Tiếng Anh
X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh
X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, Tiếng Anh
X28	Toán, Công nghệ nông nghiệp, Tiếng Anh
X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục KT&PL
X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục KT&PL
X78	Ngữ văn, Giáo dục KT&PL, Tiếng Anh